

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018- 2019, DÀNH CHO CÁN BỘ SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK

Thi phần III.1: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị nhà nước
và pháp luật xã hội chủ nghĩa

Thời gian làm bài: 180 phút;

Ngày thi: Ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phạm Phú Anh	12/4/1980	02		10	75	Bảy, năm
02	Vũ Tuấn Anh	27/01/1989	02		60	75	Bảy, năm
03	H'Môly Ayun	24/1/1971	02		26	75	Bảy, năm
04	Y Dân Ayun	04/2/1973	02		34	75	Bảy, năm
05	Nguyễn Thị Bé	06/10/1974	02		19	75	Bảy, năm
06	Nguyễn Phan Thanh Bình	07/9/1987	02		75	80	Tám
07	K' Brối	25/12/1968	02		35	75	Bảy, năm
08	Y Sĩ Buôn Dap	28/8/1973	02		9	75	Bảy, Bảy năm
09	Nguyễn Thị Minh Chi	13/8/1975	02		13	72.5	Bảy, hai năm
10	Nguyễn Thị Chiện	09/11/1982	02		65	80	Tám
11	Nguyễn Văn Cường	25/6/1970	02		14	70	Bảy
12	Đặng Ngọc Đại	12/12/1984	02		64	75	Bảy, năm
13	Phạm Văn Dân	30/11/1962	02		67	72.5	Bảy, hai năm
14	Trương Quốc Đạt	30/9/1976	02		39	75	Bảy, năm
15	Nguyễn Thu Đông	02/02/1978	01		70	67.5	Sáu, Bảy năm
16	Huỳnh Thị Đoan Dung	25/9/1973	03		4	72.5	Bảy, hai năm
17	Lê Tiến Dũng	14/5/1989	02		73	72.5	Bảy, hai năm

Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
18	La Dũng	05/01/1967	02		16	7.5	Bảy, bảy năm
19	Y Thoan ÊBan	01/6/1975	03		12	7.25	Bảy, bảy năm
20	Nguyễn Thị Trà Giang	10/12/1978	02		2	8.0	Tám
21	H'Nuen H' Đok	17/5/1973	02		25	7.5	Bảy, năm
22	Niê Lê Thị H' Xuân	11/12/1974	02		21	8.0	Tám
23	Đoàn Văn Hà	22/2/1984	03		43	8.0	Tám
24	Phạm Thái Hà	24/4/1982	02		30	7.5	Bảy, Bảy năm
25	Bùi Thanh Hải	10/7/1969	02		33	8.0	Tám
26	Trần Thanh Hải	01/01/1965	02		51	7.0	Bảy
27	Trần Văn Hải	06/5/1965	02		6	7.5	Bảy, Bảy năm
28	Phan Thị Hạnh	07/6/1983	02		40	7.5	Bảy, năm
29	Nguyễn Như Hạnh	27/9/1976	02		53	7.25	Bảy, hai năm
30	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	28/12//1982	02		59	7.5	Bảy, năm
31	Bùi Thị Minh Hậu	10/11/1980	02		69	7.5	Bảy, năm
32	Lê Thị Ngọc Hoa	13/11/1975	02		22	7.5	Bảy, Bảy năm
33	Nguyễn Chí Huân	08/10/1971	02		74	7.0	Bảy
34	Đặng Quốc Hùng	24/2/1981	02		61	7.5	Bảy, năm
35	Hoàng Trọng Hùng	20/4/1990	02		8	8.0	Tám
36	Ngô Thị Thiên Hương	26/10/1978	02		72	7.25	Bảy, hai năm
37	Văn Hữu Khánh	16/12/1978	02		58	7.5	Bảy, Bảy năm
38	Krông Ái Hương Lan	23/5/1980	02		1	8.5	Tám, năm
39	Nguyễn Văn Lãnh	07/10/1976	02		55	7.0	Bảy
40	Trần Thị Liễu	20/9/1970	02		17	7.5	Bảy, năm
41	Phạm Ngọc Liễu	27/7/1969	02		24	7.5	Bảy, Bảy năm

Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	
42	Đặng Lê Hoài	Linh	14/4/1982	02	tr	13	75	Bảy, năm
43	Kiều Xuân	Lợi	25/6/1985	02	tr	15	75	Bảy, năm
44	Nguyễn Thị	Lợi	01/5/1970		(Vắng thi có phép)			
45	Hồ	Long	27/3/1964	02	tr	5	75	Bảy, năm
46	Nguyễn Thị	Luyên	07/7/1973	03	tr	11	725	Bảy, hai năm
47	Lê Thị Thanh	Mai	15/8/1984	02	tr	20	75	Bảy, năm
48	Lê Thị Tuyết	Mai	21/6/1977	02	tr	23	775	Bảy, bảy năm
49	Bùi Văn	Minh	07/11/1972	02	tr	66	725	Bảy, hai năm
50	Nguyễn Văn	Mỹ	08/9/1964	02	tr	28	725	Bảy, hai năm
51	Nguyễn Duy	Nam	16/8/1969	02	tr	18	75	Bảy, năm
52	Lê Thị Ánh	Nguyệt	16/12/1975	02	tr	32	80	Tám
53	Nguyễn Hoàng Thị Thùy	Nhân	09/02/1983	03	tr	36	825	Tám, hai năm
54	Tạ Văn	Nhạn	03/1/1965	02	tr	41	70	Bảy
55	Bê Thị	Như	01/1/1984	02	tr	38	775	Bảy, bảy năm
56	Y Yuôr	Niê	02/9/1972	02	tr	42	75	Bảy, năm
57	Y Iên	Niê	04/08/1974	02	tr	37	775	Bảy, bảy năm
58	Y Kren	Niê	15/01/1976	02	tr	3	75	Bảy, năm
59	Trương Tiến	Phát	01/9/1970	02	tr	31	775	Bảy, bảy năm
60	Bùi	Phụng	20/9/1964	2	tr	47	75	Bảy, năm
61	Nguyễn Thị	Phương	10/12/1983	02	tr	45	75	Bảy, năm
62	Nguyễn Thị Anh	Phương	21/10/1975	02	tr	29	75	Bảy, năm
63	Phan Thị	Sáu	14/7/1974	02	tr	68	80	Tám
64	Trần Vũ	Son	04/8/1976	02	tr	71	75	Bảy, năm
65	Dương Thị Minh	Tâm	29/3/1974	03	tr	44	75	Bảy, năm

Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
66	Nguyễn Bá Thăng	10/12/1982	02		46	7.5	Bảy, bảy năm
67	Nguyễn Thị Thanh	15/11/1975 15/11/1975	02		52	7.5	Bảy, bảy năm
68	Võ Thị Thanh	25/4/1985	02		50	7.5	Bảy, năm
69	Phạm Quang Tĩnh	23/9/1972	2		54	7.5	Bảy, hơn năm
70	Nguyễn Ngọc Trân	18/2/1967	2		57	7.5	Bảy, năm
71	Võ Sỹ Trí	07/7/1974	2		48	7.5	Bảy, năm
72	Bùi Bình Trung	03/2/1974	02		27	7.5	Bảy, năm
73	Nguyễn Thị Châu Tuyền	02/7/1983	02		62	7.5	Bảy, bảy năm
74	Nguyễn Hồng Vân	27/7/1980	02		7	8.0	Tám
75	Nguyễn Thị Vinh	10/10/1969	02		49	7.5	Bảy, năm
76	Nguyễn Đức Vũ	29/3/1972	02		56	7.5	Bảy, năm

Tổng số : 158 tờ / 75 bài

GIÁM THỊ 1

Ngày 22 tháng 11 năm 2018

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Sĩ

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Văn Dương

Đoàn Thị Mai
Ngày 20 tháng 11 năm 2018
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Trần Lan Nguyệt

Trần Duy Kha